



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN 9 TUẦN 4

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) $\left(\sqrt{\frac{1}{11}} - \sqrt{\frac{16}{11}} + \sqrt{11}\right) : \sqrt{11}$

b) $(5\sqrt{48} - 3\sqrt{27} + 2\sqrt{12}) : \sqrt{3}$

c) $\sqrt{36 - 12\sqrt{5}} : \sqrt{6}$

d) $\frac{\sqrt{10} - \sqrt{15}}{\sqrt{8} - \sqrt{12}}$

Bài 2: Rút gọn biểu thức

a) $\frac{\sqrt{63y^3}}{\sqrt{7y}}, y > 0$

b) $\frac{\sqrt{16a^4b^6}}{\sqrt{128a^6b^2}}, a < 0, b \neq 0$

c) $\sqrt{\frac{x - 6\sqrt{x} + 9}{x + 6\sqrt{x} + 9}}, x \geq 0$

d) $\sqrt{x + 2\sqrt{x-1}} + \sqrt{x - 2\sqrt{x-1}}$

Bài 3: Cho $M = \left(\frac{\sqrt{a}-2}{\sqrt{a}+2} + \frac{\sqrt{a}+2}{\sqrt{a}-2} - \frac{4a}{4-a}\right) : \frac{3a+4}{\sqrt{a}+2}$

a) Rút gọn M

b) Tìm a để $M < -1$

c) Tìm x nguyên để M có giá trị nguyên

Bài 4: Cho tam giác ABC vuông tại C có $BC = 4\text{cm}$, $AC = 3\text{cm}$. Tính các tỉ số lượng giác của góc B. Từ đó suy ra tỉ số lượng giác của góc A.

Bài 5: Cho tam giác ABC vuông ở A, đường cao AH. Biết $AB = 7,5\text{cm}$; $AH = 6\text{cm}$.

a) Tính AC, BC;

b) Tính $\cos B$, $\cos C$.

Bài 6: Chỉ dành cho HS nhóm 1 Cho tam giác ABC có $BC = a, AC = b, AB = c$.

Chứng minh rằng: $\sin \frac{A}{2} \leq \frac{a}{b+c}$.

Chú ý:

- Hạn nộp: Trước 12h chủ nhật ngày 03/10/2021
- Địa chỉ nhận bài: Links azota của GVBM Toán



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN SINH LỚP 9 - TUẦN 4

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Theo lí thuyết, quá trình giảm phân bình thường của cơ thể có kiểu gen AaBB cho tối đa bao nhiêu loại giao tử?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 2: Quá trình giảm phân bình thường ở cơ thể có kiểu gen nào sau đây sẽ tạo ra 2 loại giao tử với tỉ lệ bằng nhau?

- A. AaBb
- B. aaBB
- C. Aabb
- D. AABB

Câu 3: Phép lai phân tích là phép lai giữa cá thể mang tính trạng(1).....cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng(2)..... để kiểm tra(3).....của cơ thể mang tính trạng(4).....

- A. (1) lặn ; (2) trội; (3) kiểu hình ; (4) lặn.
- B. (1) trội; (2) lặn ; (3) kiểu hình ; (4) trội.
- C. (1) trội ; (2) lặn; (3) kiểu gen ; (4) trội.
- D. (1) lặn; (2) trội; (3) kiểu gen; (4) lặn.

Câu 4: Ở đậu Hà Lan, xét hai cặp gen phân li độc lập: alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp, alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Cây thân cao, hoa đỏ thuần chủng có kiểu gen nào sau đây?

- A. AABB
- B. aabb
- C. AaBb
- D. aaBb

Câu 5: Theo lí thuyết, phép lai AaBB $\times$ Aabb cho đời con có bao nhiêu loại kiểu gen?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 6: Ở đậu Hà Lan, xét hai cặp gen phân li độc lập: alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp, alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Cây thân thấp, hoa đỏ thuần chủng có kiểu gen nào sau đây?

- A. AABB
- B. aaBB
- C. aaBb
- D. Aabb

Câu 7: Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn và không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai $AaBb \times AaBb$ cho đời con gồm

- A. 9 kiểu gen và 4 kiểu hình
- B. 9 kiểu gen và 6 kiểu hình
- C. 12 kiểu gen và 6 kiểu hình
- D. 4 kiểu gen và 4 kiểu hình

Câu 8: Khi lai cặp bố mẹ khác nhau về hai cặp tính trạng thuần chủng tương phản di truyền độc lập với nhau, thì F_2 có tỉ lệ mỗi kiểu hình bằng của các tính trạng hợp thành nó.

- A. tích các tỉ lệ
- B. tổng các tỉ lệ
- C. hiệu số các tỉ lệ
- D. tích

Câu 9: Cơ thể nào sau đây giảm phân bình thường tạo ra giao tử Ab ?

- A. $aaBB$
- B. $AABB$
- C. $aabb$
- D. $Aabb$

Câu 10: Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây tạo ra đời con có 3 kiểu gen?

- A. $Aabb \times aaBb$
- B. $AaBB \times AaBB$
- C. $AaBb \times aabb$
- D. $AaBB \times aaBb$

Câu 11: Theo lí thuyết, quá trình giảm phân bình thường ở cơ thể có kiểu gen $AaBBDd$ tạo ra tối đa bao nhiêu loại giao tử?

- A. 2
- B. 4
- C. 6
- D. 8

Câu 12: Đây là phép lai 2 cặp tính trạng thuần chủng tương phản

- A. hạt vàng, thân cao x hạt vàng, thân thấp
- B. hạt xanh, vỏ trơn x hạt vàng, vỏ trơn
- C. hoa đỏ, thân cao x hoa trắng, thân thấp
- D. quả lục, hạt xanh x quả trơn, hạt nhăn

Lớp 9A3 làm thêm câu 13

Câu 13: Ở một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen b quy định quả dài. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có số cây thân cao, quả tròn chiếm 50%?

- A. $AABB \times Aabb$.
- B. $Aabb \times aaBb$.
- C. $AaBb \times aaBb$
- D. $AaBB \times aaBb$.

Chú ý: HS hoàn thành gửi bài về GVBM trước ngày 03/10/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP VĂN 9 - Tuần 4

Bài 1: Trong văn bản “*Chuyện người con gái Nam Xương*”, Nguyễn Dữ viết:

“ - Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiệp thiếp bần khoản, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thôn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.

Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rút. Ngược mắt nhìn cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuốm mối tình muôn dặm quan san!”.

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 1. Đoạn trích là lời của ai nói với ai, nói trong hoàn cảnh nào? Lời nói của nhân vật đã thực hiện phương châm hội thoại nào?

Câu 2. Chỉ ra một hình ảnh ẩn dụ về nỗi nhớ thương của nhân vật nàng với chồng. Một văn bản đã được học ở chương trình Ngữ văn THCS cũng nói đến nỗi lòng nhớ thương của người vợ có chồng đi lính, tên văn bản đó là gì? Tác giả là ai?

Câu 3. Tìm và giải thích một điển tích điển cố trong đoạn trích trên?

Câu 4. Đoạn trích trên cho thấy tâm trạng gì của nhân vật “nàng”? Tại sao nhân vật có tâm trạng như vậy?

Câu 5. Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 -15 câu làm rõ chủ đề: Vũ Nương là người vợ thủy chung yêu chồng. Trong đoạn văn có sử dụng câu bị động và thán từ.

Bài 2: Viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về vai trò của gia đình trong cuộc sống hôm nay.

* Lưu ý:

- 9A1,2: Nhóm 1 hoàn thành toàn bộ phiếu bài tập. Nhóm 2: Hoàn thành câu 1,3,5 bài 1 và bài 2.
- 9A3: Cả hai nhóm hoàn thành toàn bộ PBT.



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN ANH - TUẦN 4

REVISION

Mark the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

1. A. sociable B. ocean C. receive D. special
2. A. A. confused B. explored C. noticed D. vaporized

Choose the word whose stress pattern is differently from that of the other.

3. A. capable B. different C. difficilt D. delightful
4. A. fluent B. language C. explore D. massive

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following question .

5. Many language learners do not try to learn all new words they come across.
A. study B. like C. meet D. understand
6. Electric cars are better for the environment. In addition, they can save money on petrol.
A. In conclusion B. For example C. Nevertheless D. Furthermore

Mark the letter A, B, c, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

7. Every possible test was carried _____ to decide the nature of her illness.
A. on B. of C. through D. out
8. I thanked him politely _____.
A. then have a quick walk away B. so that to walk away
C. but walked away after that D. and walked quickly away
9. Trains stop here in order to _____ passengers only.
A. pick up B. get off C. get on D. pull in
10. _____ I hadn't spoken English for many years, I picked it up again after a few weeks.
A. Since B. In spite C. Even though D. Because
11. The doctors say it may take him a long time to get _____ the shock.
A. past B. above C. through D. over
12. I met some old friends _____ I was on holiday in Malaysia.
A. when B. since C. because D. until
13. If we want to _____ up with them, we'd better hurry.
A. come B. arrive C. approach D. catch
14. _____ his physical handicap, he has become a successful businessman.
A. In spite of B. Because of C. If D. Although

Mark the letter A, B, c, or D to indicate the word(s) **OPPOSITE** in meaning to the **underlined word(s)** in each of the following questions.

15. The world's population keeps **increasing** during the past few years.

A. coming up B. getting on C. going down D. taking off

16. When you **put on** clothing or make-up, you place it on your body in order to wear it.

A. take off B. look after C. wash up D. get on

Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence, using the word in brackets.

17. We must replace the loudspeakers. The current ones aren't satisfactory. (since)

18. Although he is intelligent, he doesn't do well at school. (Despite)

19. Our picnic was cancelled as it rained heavily last Sunday. (because of)

20. The weather was too terrible, so we had to cancel the game. (put)

Chú ý: Học sinh hoàn thành và gửi về cho GVBM trước ngày 3/10/2021



Câu 1: Hai điện trở $R_1 = 5\Omega$, $R_2 = 10\Omega$ mắc nối tiếp. Cường độ dòng điện qua điện trở R_1 là 4A. Thông tin nào sau đây là **Sai** ?

- Câu 2:** (4.8 – BTVL9) Đặt hiệu điện thế 12V vào hai đầu đoạn mạch gồm $R_1 = 40\Omega$, $R_2 = 80\Omega$ mắc nối tiếp. Cường độ dòng điện chạy qua đoạn mạch là:

- Câu 3:** (4.6 – BTVL9) Cho hai điện trở, $R_1 = 20\Omega$ chịu được dòng điện có cường độ tối đa 2A và $R_2 = 40\Omega$ chịu được dòng điện có cường độ tối đa 1,5A.

A. 210V. B. 120V. C. 90V. D. 100V.

- Câu 4:** (4.9 – BTVL9) Một đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 và $R_2 = 1,5R_1$ mắc nối tiếp. Cho dòng điện chạy qua đoạn mạch này thì thấy hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở R_1 là 3V. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch này là bao nhiêu?

- Câu 5:** (4.10 – BTVL9) Phát biểu nào dưới đây **không đúng** đối với đoạn mạch gồm các điện trở mắc nối tiếp?

- A. Cường độ dòng điện là như nhau tại mọi vị trí của đoạn mạch.
B. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng tổng các hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở mắc trong đoạn mạch.
C. Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở mắc trong đoạn mạch.
D. Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở mắc trong đoạn mạch tỉ lệ thuận với điện trở đó.

Câu 6: (4.11 – BTVL9) Đoạn mạch gồm các điện trở mắc nối tiếp là đoạn mạch **không** có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Đoạn mạch có những điểm nối chung của nhiều điện trở.
B. Đoạn mạch có những điểm nối chung chỉ của hai điện trở.
C. Dòng điện chạy qua các điện trở của đoạn mạch có cùng cường độ.
D. Đoạn mạch gồm những điện trở mắc liên tiếp với nhau và không có mạch rẽ.

Câu 7: (4.12 – BTVL9) Đặt một hiệu điện thế U_{AB} vào hai đầu đoạn mạch gồm R_1 và R_2 mắc nối tiếp. Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở tương ứng là U_1 và U_2 . Hệ thức nào dưới đây **không đúng**?

- A. $R_{AB} = R_1 + R_2$.
 B. $I_{AB} = I_1 = I_2$.
 C. $U_{AB} = U_1 + U_2$.
 D. $\frac{U_1}{U_2} = \frac{R_2}{R_1}$.

Câu 8: Mắc các điện trở $R_1 = 3\Omega$, $R_2 = 6\Omega$ và R_3 (có giá trị chưa biết) nối tiếp với nhau. Điều nào sau đây là đúng khi nói về điện trở tương đương R của cả mạch?

- A. $R = 6\Omega$. B. $R > 9\Omega$. C. $R < 9\Omega$. D. $R > 10\Omega$.

Câu 9*: Trong một đoạn mạch (có hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch không đổi) gồm 2 điện trở có giá trị bằng nhau (bằng R) mắc nối tiếp thì cường độ dòng qua mạch là 3A. Nếu mắc nối tiếp thêm một điện trở có cùng giá trị R thì cường độ dòng điện là:

- A. 1A. B. 2A. C. 1,5A. D. 4,5A.

Câu 10: Cho hai điện trở, $R_1 = 30\Omega$ chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất 2A và $R_2 = 10\Omega$ chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất 1A. Hiệu điện thế lớn nhất có thể đặt vào hai đầu đoạn mạch gồm R_1 nối tiếp R_2 là:

- A. 40V. B. 70V. C. 80V. D. 120V.

Câu 11: Hai điện trở $R_1 = 3\Omega$, $R_2 = 6\Omega$ mắc song song rồi mắc vào nguồn điện có hiệu điện thế U. Biết cường độ dòng điện qua R_2 là 0,5 A. Cường độ dòng điện mạch chính là:

- A. 1 A B. 0,5 A C. 1,5 A D. 0,25 A

Câu 12 (5.8 – BTVL9) Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm $R_1 = 4\Omega$ và $R_2 = 12\Omega$ mắc song song là:

- A. 16 Ω . B. 48 Ω . C. 0,33 Ω . D. 3 Ω .

Câu 13 (5.10 – BTVL9) Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm $R_1 = 5\Omega$, $R_2 = 10\Omega$, $R_3 = 30\Omega$ mắc song song là:

- A. 0,33 Ω . B. 3 Ω . C. 33,3 Ω . D. 45 Ω .

Câu 14 (5.9 – BTVL9) Hai điện trở R_1 và R_2 mắc song song rồi mắc vào nguồn điện có U không đổi. Khi giảm dần R_2 thì I mạch chính thay đổi như thế nào?

- A. Tăng. B. Không thay đổi.
C. Giảm. D. Lúc đầu tăng sau đó giảm.

Câu 15 (5.6 – BTVL9) Ba điện trở $R_1 = 10\Omega$ và $R_2 = R_3 = 20\Omega$ mắc song song rồi mắc vào nguồn điện 12V. Cường độ dòng điện mạch chính là:

- A. 2,4A. B. 3A. C. 2,6A. D. 4,8A.

Câu 16*: Có 3 điện trở giống nhau ($R_1 = R_2 = R_3 = R_0$), được mắc thành các đoạn mạch. Đoạn mạch nào có điện trở tương đương nhỏ nhất?

- A. R_1 nt R_2 nt R_3 . B. R_1 nt ($R_2 // R_3$).
C. ($R_1 // R_2$) nt R_3 . D. $R_1 // R_2 // R_3$.

Câu 17: Cho điện trở $R_1 = 4\Omega$. Để tạo ra 1 đoạn mạch có điện trở $R_{td} = 3\Omega$, phải mắc thêm điện trở R_2 thỏa mãn điều kiện nào?

- A. $R_2 = 12,5\Omega$, R_2 song song với R_1 B. $R_2 = 12\Omega$, R_2 song song với R_1
C. $R_2 = 13,5\Omega$, R_2 song song với R_1 D. $R_2 = 1\Omega$, R_2 nối tiếp với R_1 .

Câu 18: Đoạn mạch gồm R_1 nt ($R_2 // R_3$). Trong đó $R_1 = 70\Omega$, $R_2 = 120\Omega$, R_{td} của đoạn mạch là 100 Ω . R_3 có giá trị là:

- A. 90 Ω . B. 60 Ω . C. 40 Ω . D. 30 Ω .

Câu 19: Đoạn mạch AB gồm (R_1 nt R_2) // R_3 . Trong đó $R_1 = 30\Omega$, $R_2 = 50\Omega$, $R_3 = 50\Omega$, $U_2 = 4,5V$. Cường độ dòng điện chạy qua mạch chính I là:

- A. 0,14375A. B. 0,5A. C. 1A. D. 1,5A.

Câu 20: Đoạn mạch MN gồm R_1 nt ($R_2 // R_3$). Trong đó $R_1 = 5\Omega$, $R_2 = 60\Omega$, $R_3 = 30\Omega$. Cường độ dòng điện qua R_2 là $I_2 = 0,1A$. Hiệu điện thế giữa hai điểm M, N là:

- A. 9V. B. 12V. C. 6V. D. 7,5V.

Chú ý: HS hoàn thành gửi bài về GVBM trước ngày 03/10/2021



Câu 1 Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng là:

- Câu 2** Nhóm chất tác dụng với nước và với dung dịch HCl là:

- Câu 3** Dãy oxit tác dụng với dung dịch HCl tạo thành muối và nước là:

- Câu 4** Dãy oxit tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng là:

- Câu 5** Dãy các chất **không** tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng là:

- Câu 6** Chất tác dụng với dung dịch HCl tạo thành chất khí nhẹ hơn không khí là:

- A. Mg B. CaCO_3 C. MgCO_3 D. Na_2SO_3

Câu 7 Cho một mẫu giấy quỳ tím vào dung dịch NaOH. Thêm từ từ dung dịch HCl vào cho đến dư ta thấy màu giấy quỳ:

- A. Màu đỏ không thay đổi
B. Màu đỏ chuyển dần sang xanh.
C. Màu xanh không thay đổi
D. Màu xanh chuyển dần sang đỏ

Câu 8 Kẽm tác dụng với dung dịch axit clohidric sinh ra:

- A. Dung dịch có màu xanh lam và chất khí màu nâu.
B. Dung dịch không màu và chất khí có mùi hắc.
C. Dung dịch có màu vàng nâu và chất khí không màu

D. Dung dịch không màu và chất khí cháy được trong không khí.

Câu 9 Cho 5,6 g sắt tác dụng với axit clohidric dư, sau phản ứng thể tích khí H_2 thu được (ở đktc):

- A. 1,12 lít. B. 2,24 lít. C. 11,2 lít. D. 22,4 lít.

Câu 10 Trung hoà 100 ml dung dịch H_2SO_4 1M bằng V (ml) dung dịch NaOH 1M. V là:

- A. 50 ml. B. 200 ml. C. 300 ml. D. 100 ml.

Chú ý: HS hoàn thành gửi bài về GVBM trước ngày 03/10/2021